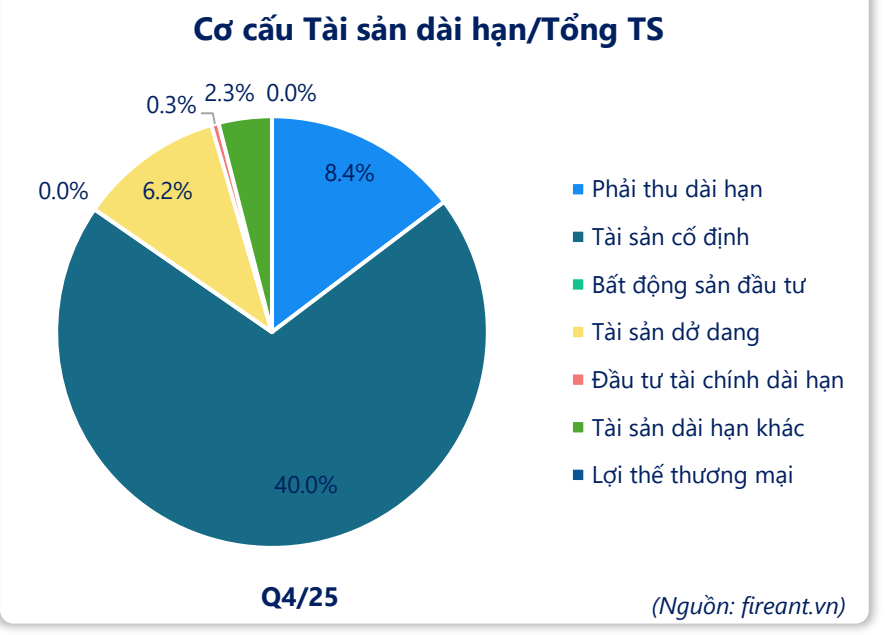
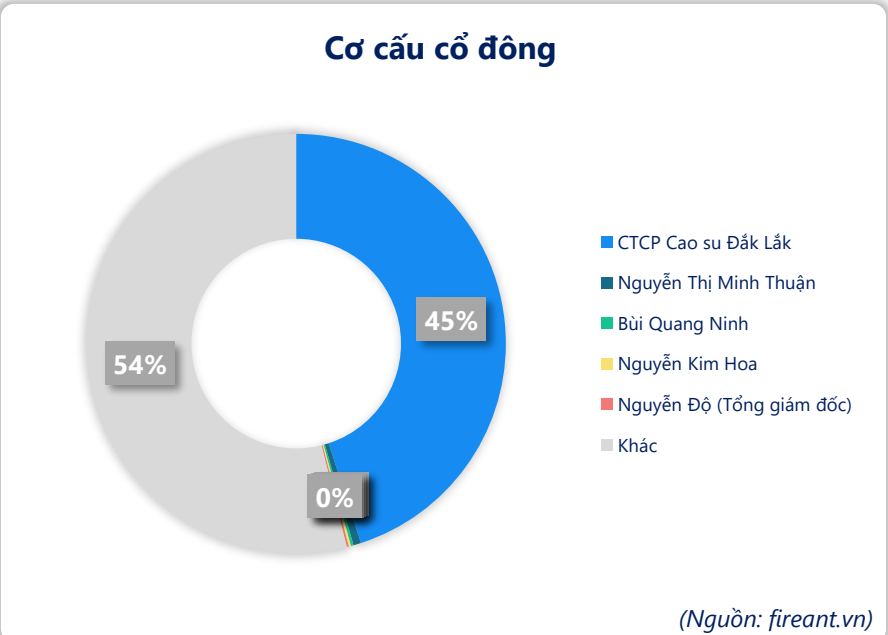
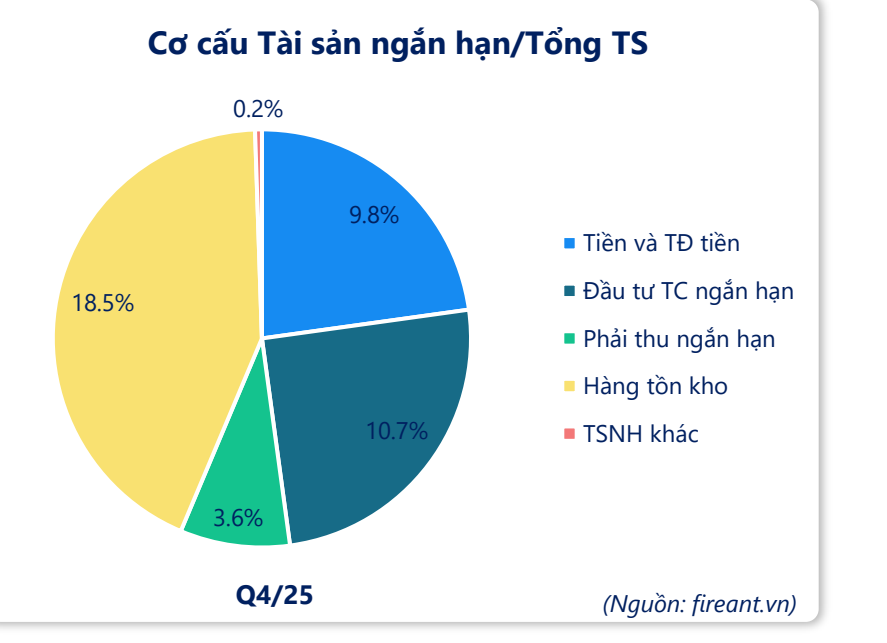
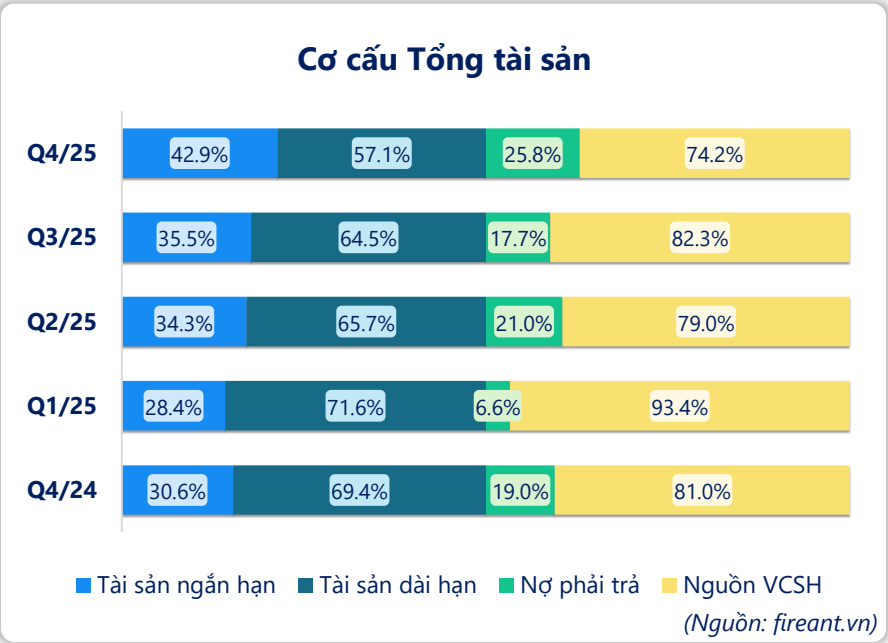
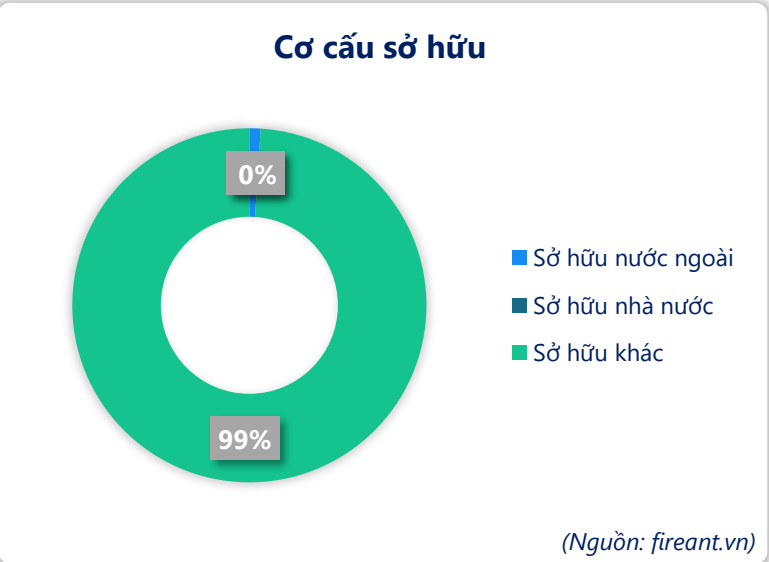
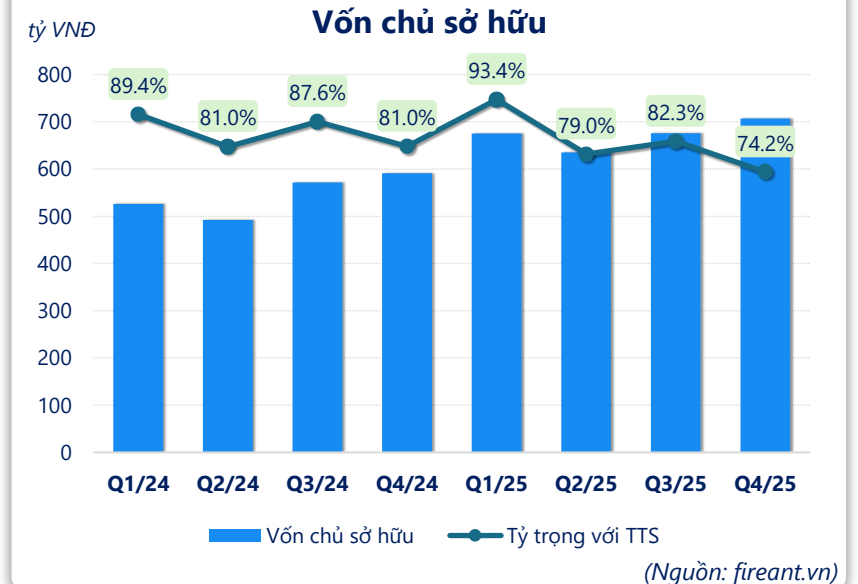
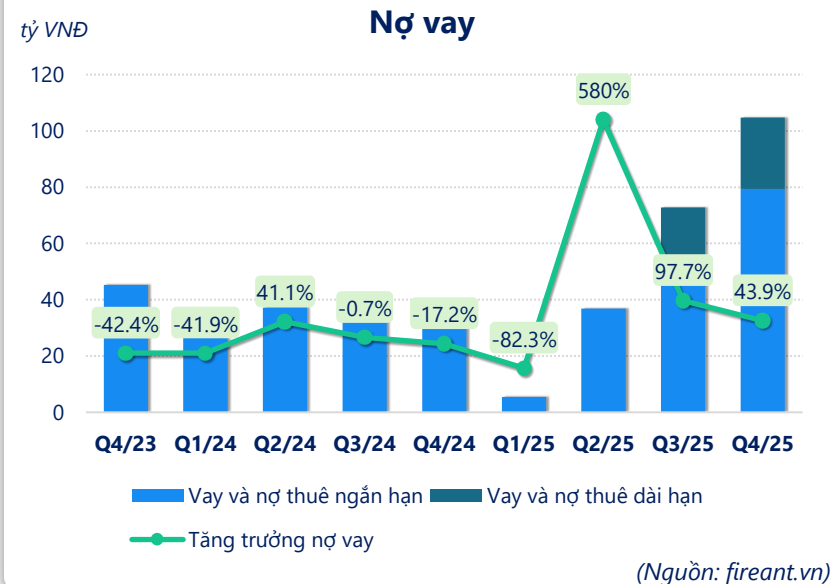
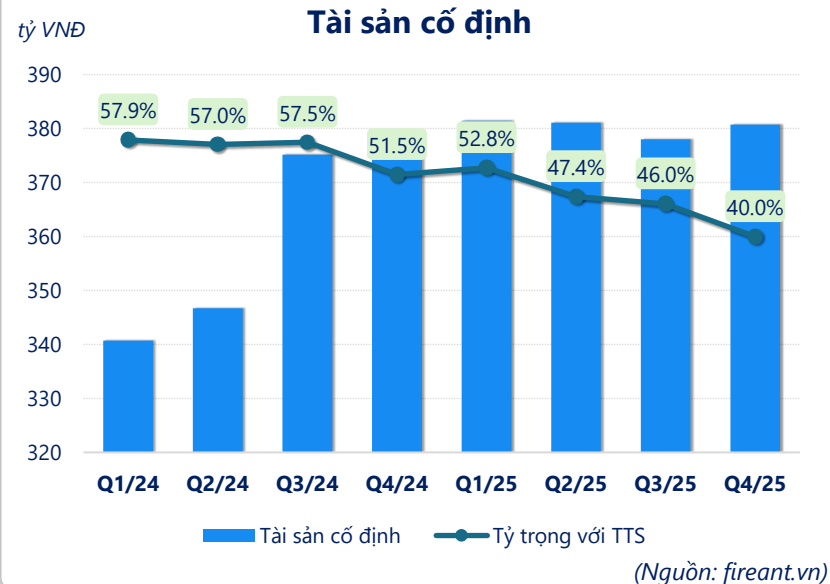
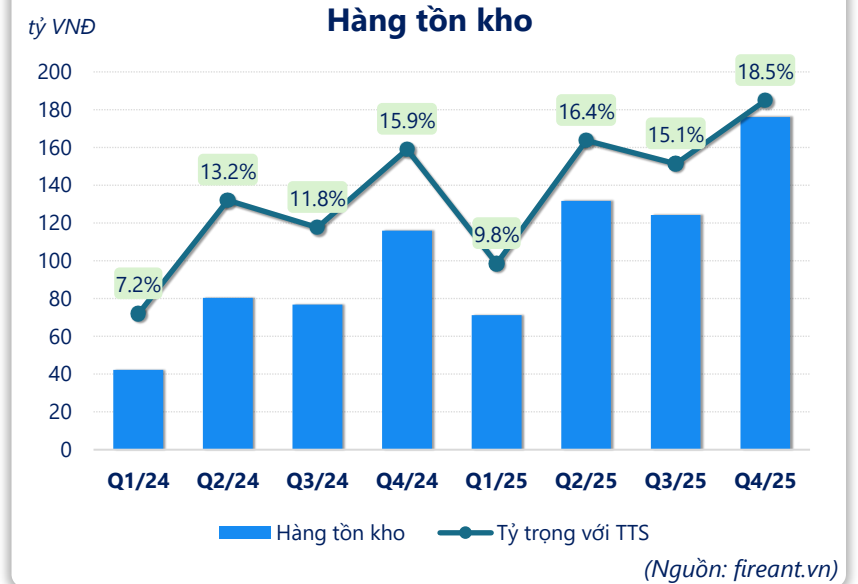
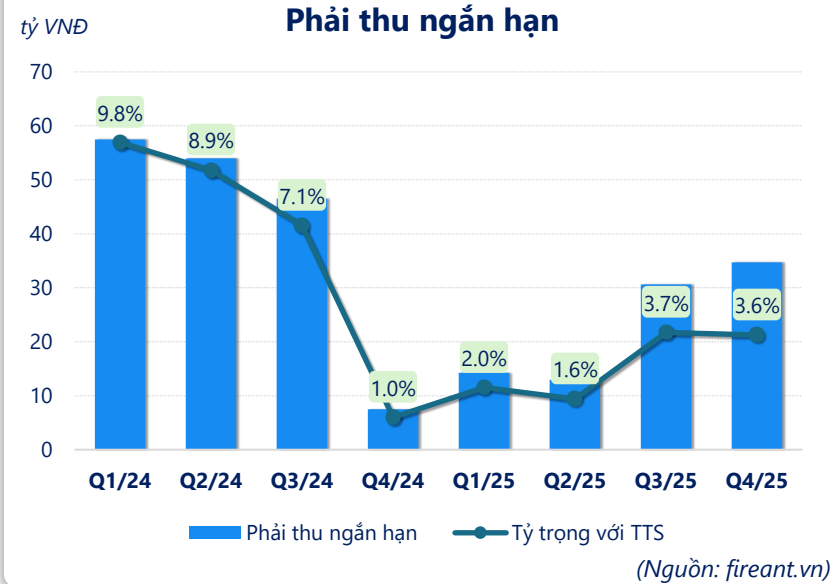
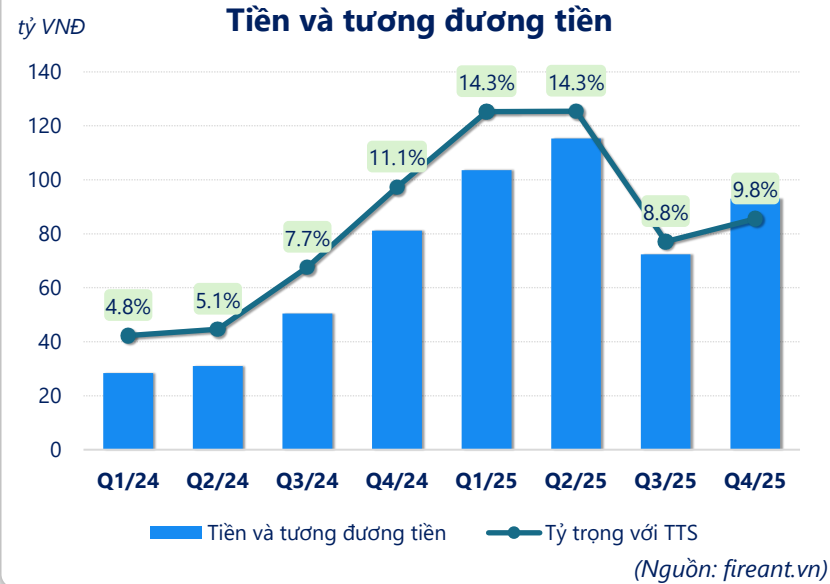
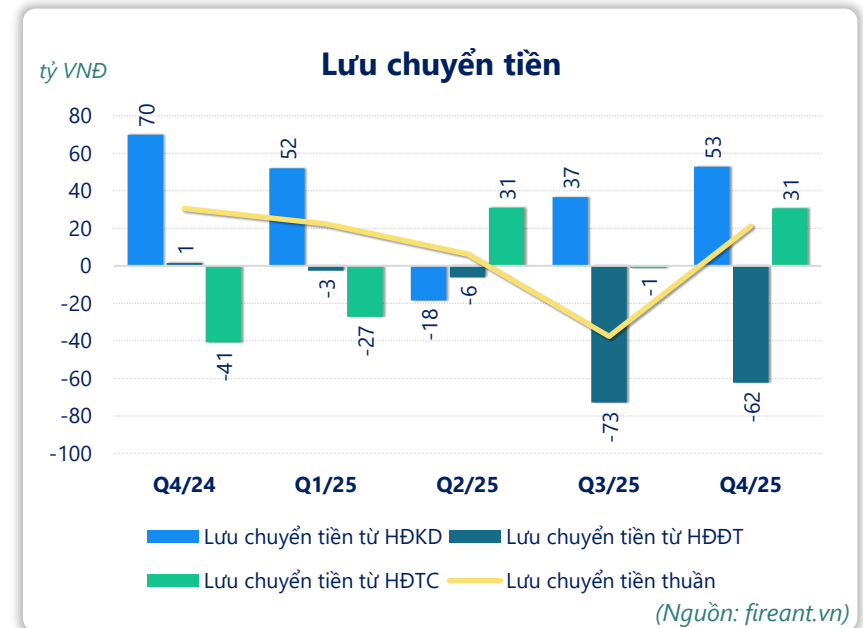
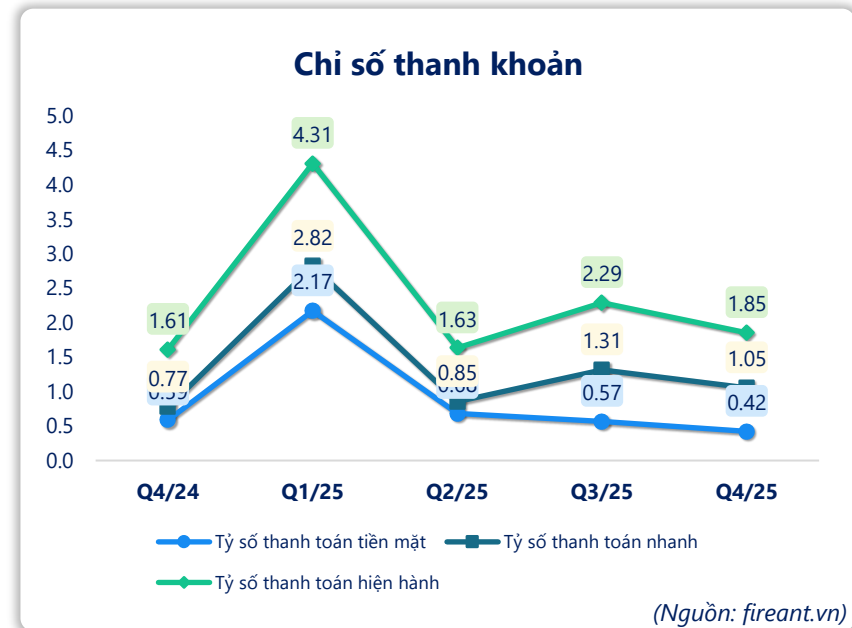
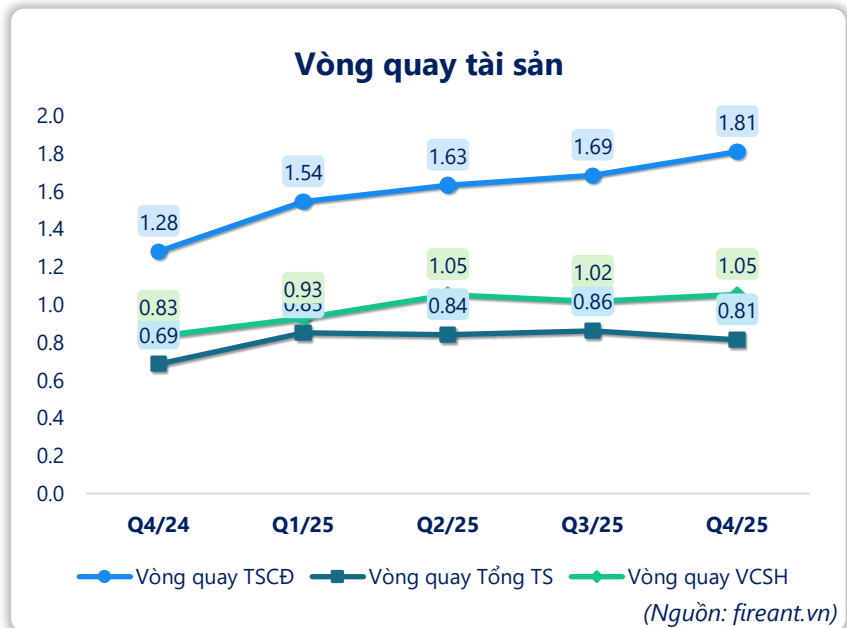
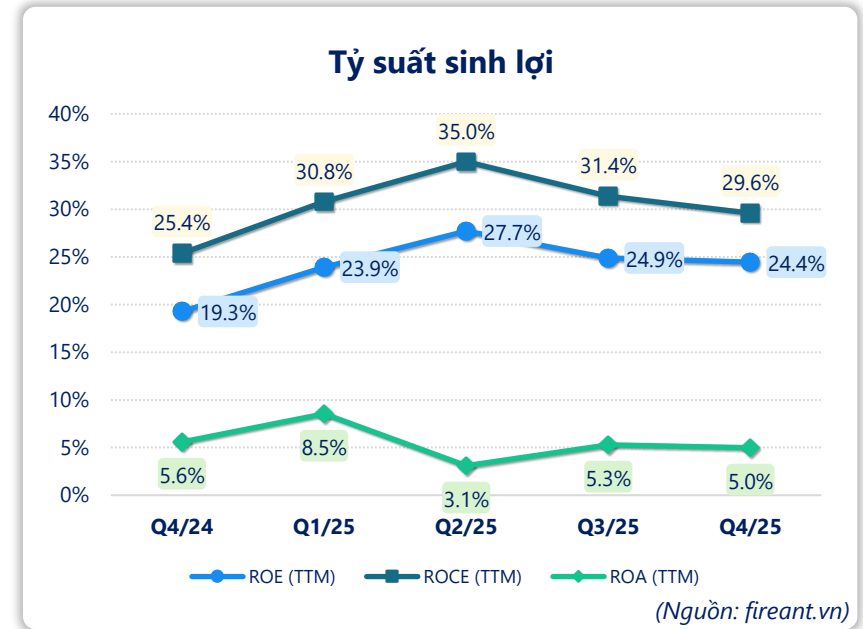
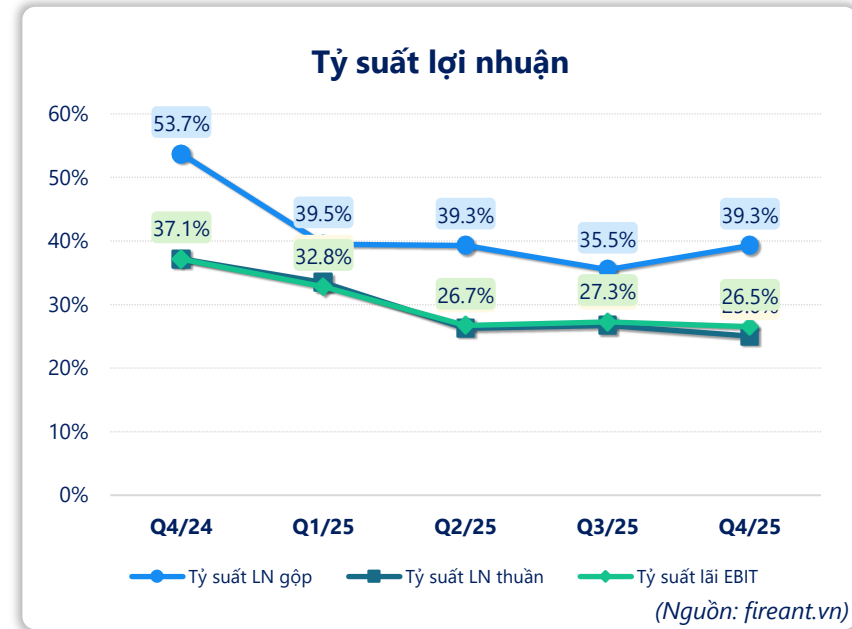
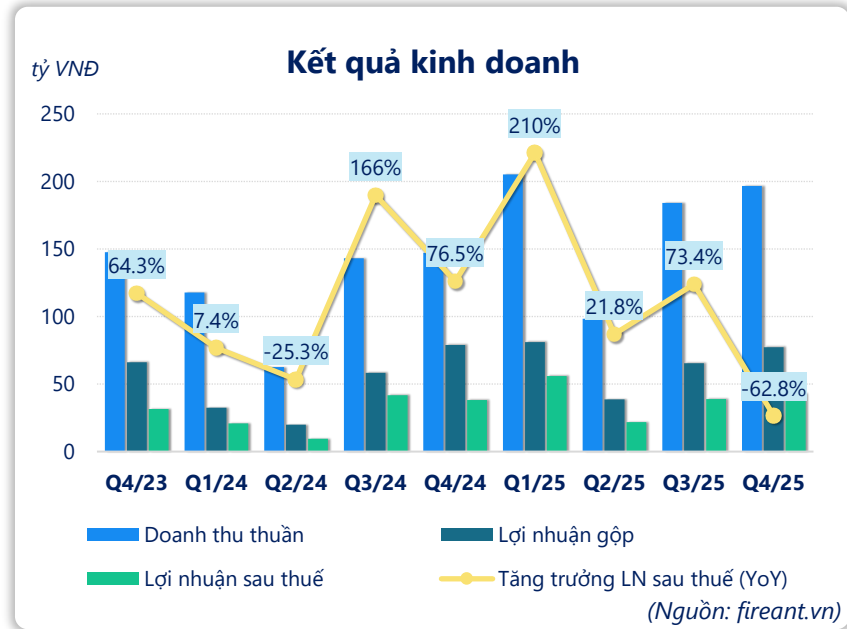


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,104
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,389
SL cổ phiếu LH		73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		444,515
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		952
P/E		6.0
EPS		2,168

	YTD	1T	3T	6T
DRI	5.3%	0.0%	14.0%	3.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	953	729	30.7%
Tài sản ngắn hạn	408	223	83.2%
Tiền và tương đương tiền	93.1	81.1	14.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	10.0	922%
Phải thu ngắn hạn	34.7	6.48	436%
Hàng tồn kho	176	116	51.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.15	9.21	-76.6%
Tài sản dài hạn	544	506	7.5%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	381	375	1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	58.9	36.8	60.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.7	11.0	96.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	246	138	77.4%
Nợ ngắn hạn	220	138	59.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.4	30.5	160%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.2	4.10	172%
Nợ dài hạn	25.5	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	25.3	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	707	591	19.7%
Vốn chủ sở hữu	707	591	19.7%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	147	205	98.4	184	197
Giá vốn hàng bán	68.1	124	59.7	119	119
Lợi nhuận gộp	79.0	81.0	38.7	65.4	77.3
Doanh thu HĐTC	5.62	4.10	6.11	5.71	7.40
Chi phí TC	2.99	1.22	0.81	2.82	4.07
Chi phí lãi vay	1.12	0.30	0.35	1.21	2.86
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.82	7.46	6.48	7.64	9.05
Chi phí QLDN	17.1	7.79	11.6	11.5	22.3
LN thuần từ HĐKD	54.7	68.6	25.8	49.1	49.3
Lợi nhuận khác	-1.21	-1.71	0.07	-0.12	0.05
LN trước thuế	53.5	66.9	25.9	49.0	49.3
Lợi nhuận sau thuế	38.1	55.9	21.8	38.9	42.9
LNST của CĐ cty mẹ	38.4	55.9	21.9	39.0	41.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	69.9	52.1	-18.5	36.6	52.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.43	-2.52	-6.18	-72.9	-62.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.8	-27.2	31.0	-1.21	30.7
Tiền đầu kỳ	50.4	81.1	104	115	72.3
Lưu chuyển tiền thuần	30.5	22.4	6.29	-37.6	21.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	0	5.48	-5.37	-0.45
Tiền cuối kỳ	81.1	104	115	72.3	93.1

(Nguồn: fireant.vn)